FireAnt

CTCP Điện lực Gelex (HSX: GEE)

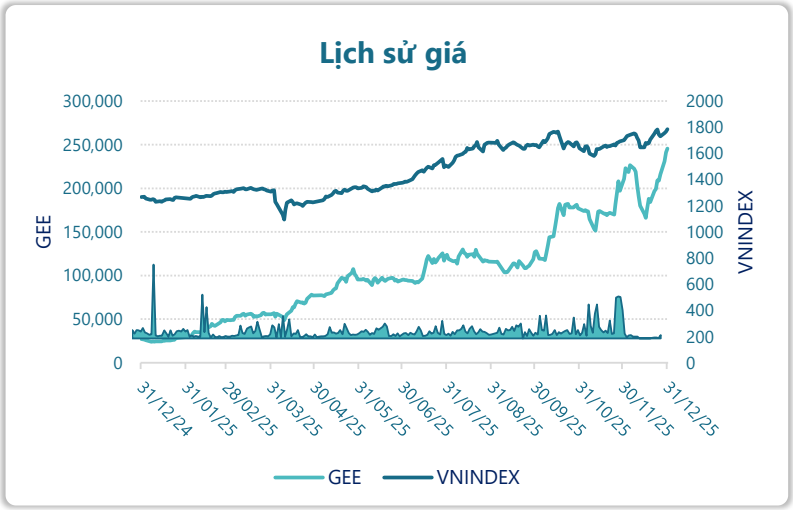

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**245,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	245,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	24,074
SL cổ phiếu LH	365,999,956
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,468,575
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	89,853
P/E	27.7
EPS	8,854

DT thuần

Q4/25

7,228

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 784| 12.2%

YoY: ▲ 747| 11.5%

LN sau thuế

Q4/25

557

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1,235| -68.9%

YoY: ▼89.0| -13.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

17.6%

+/- YoY: ▲ 6.1%

DT thuần

2025

25,463

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4,333| 20.5%

LN sau thuế

2025

3,401

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,686| 98.4%

ROE

2025

42.3%

+/- YoY: ▲ 17.6%

Kết quả kinh doanh

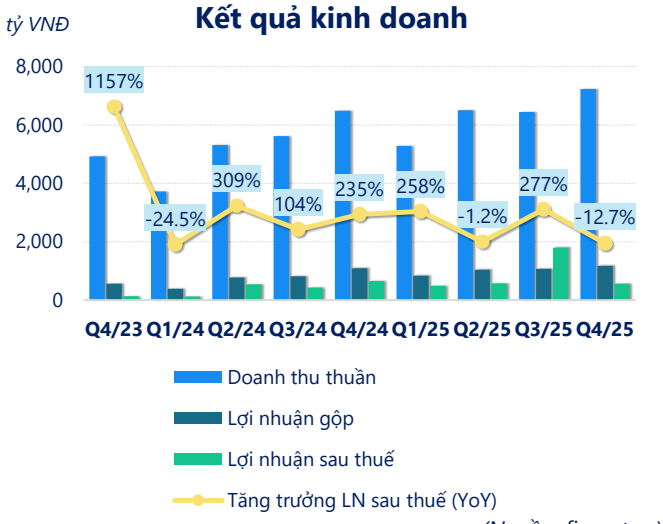

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

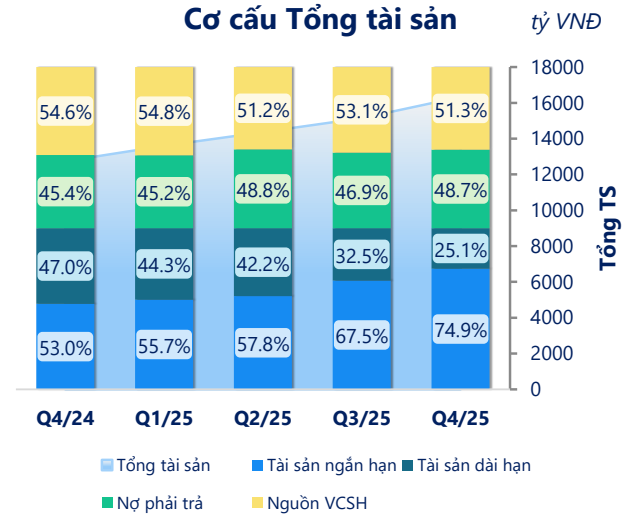

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

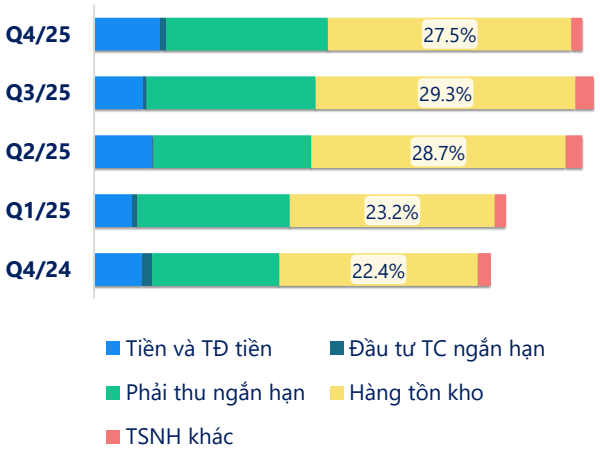

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

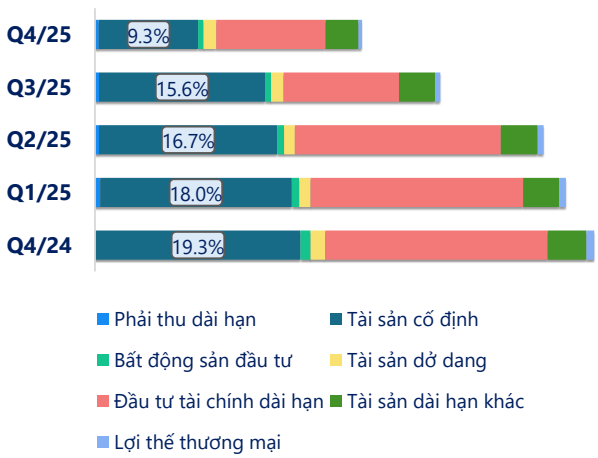

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

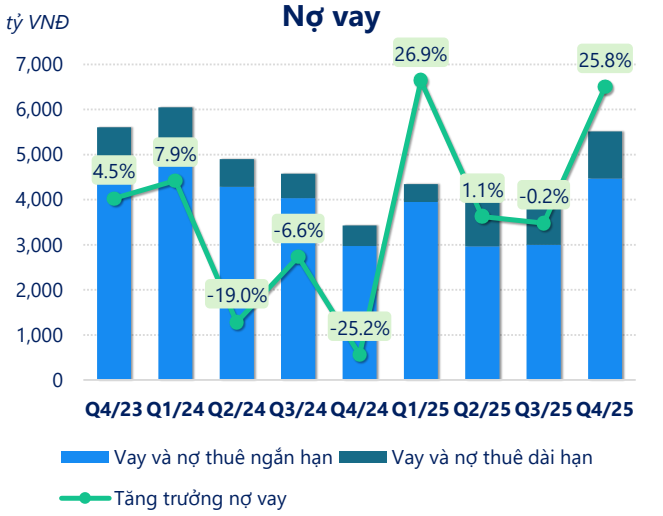

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

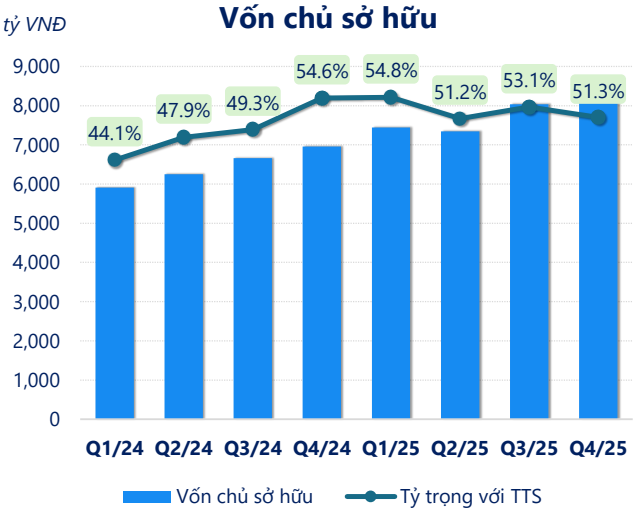

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

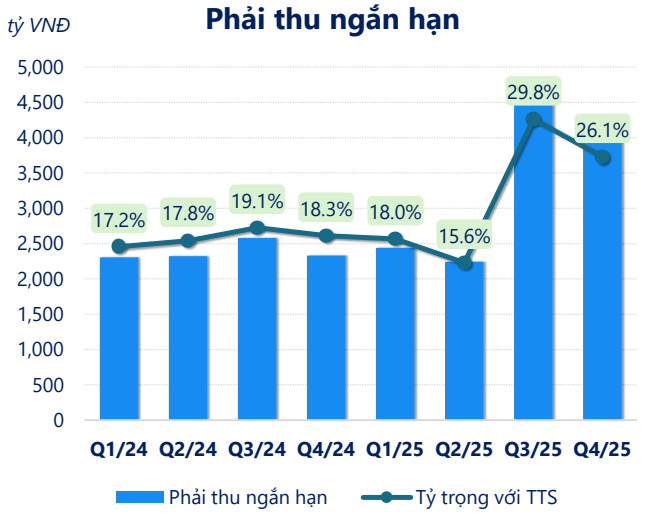

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

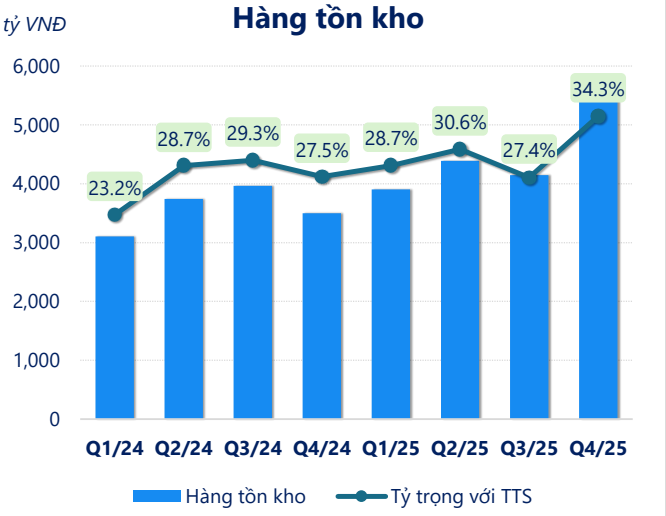

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

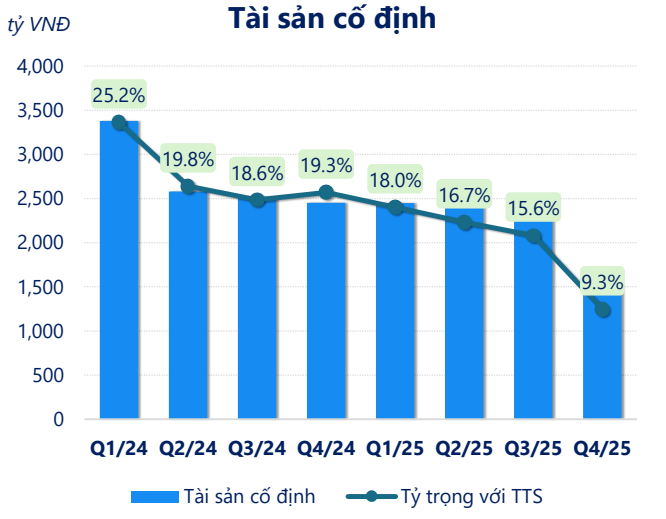

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

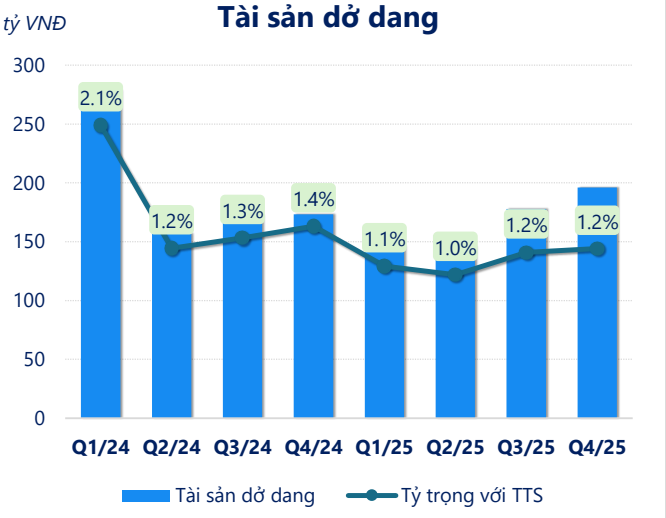

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

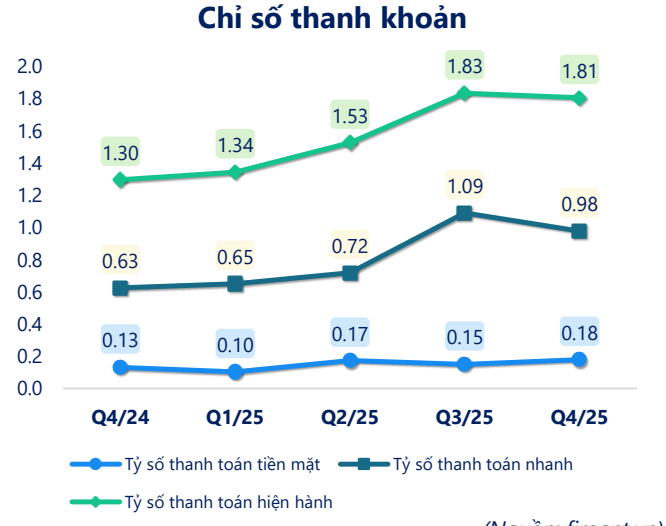

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

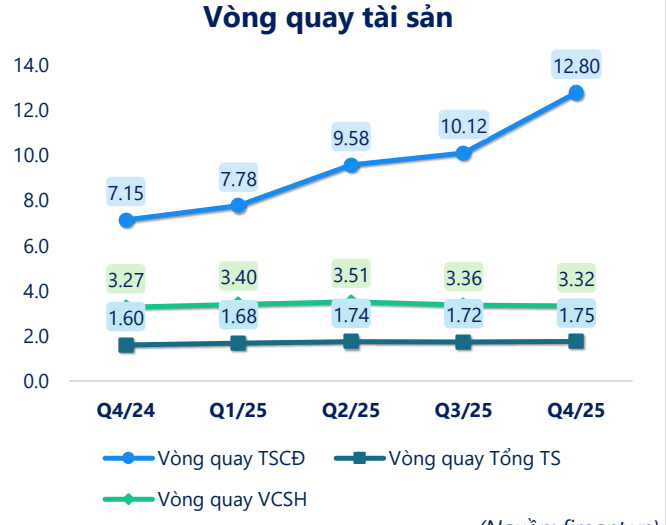

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**12,732**	**13,597**	**14,360**	**15,141**	**16,331**
Tài sản ngắn hạn	**6,754**	**7,576**	**8,303**	**10,226**	**12,228**
Tiền và tương đương tiền	684	582	944	836	1,213
Đầu tư tài chính ngắn hạn	86.7	449	482	430	731
Phải thu ngắn hạn	2,328	2,441	2,242	4,517	4,264
Hàng tồn kho	3,498	3,905	4,390	4,146	5,605
Tài sản ngắn hạn khác	157	199	245	298	415
Tài sản dài hạn	**5,978**	**6,021**	**6,057**	**4,915**	**4,103**
Phải thu dài hạn	6.40	65.4	56.6	57.8	59.0
Tài sản cố định	2,453	2,450	2,404	2,365	1,527
Bất động sản đầu tư	123	95.6	93.7	82.8	81.5
Tài sản dở dang	173	146	146	178	196
Đầu tư tài chính dài hạn	2,662	2,717	2,779	1,647	1,676
Tài sản dài hạn khác	466	459	498	513	506
Lợi thế thương mại	94.8	87.4	80.0	72.7	57.1
Nợ phải trả	**5,778**	**6,152**	**7,014**	**7,104**	**7,949**
Nợ ngắn hạn	**5,209**	**5,638**	**5,440**	**5,576**	**6,772**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,971	3,948	2,967	2,997	4,467
Phải trả người bán ngắn hạn	951	702	1,206	883	606
Nợ dài hạn	569	514	1,575	1,527	1,177
Vay và nợ thuê dài hạn	453	399	1,426	1,388	1,048
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,954**	**7,445**	**7,346**	**8,038**	**8,381**
Vốn chủ sở hữu	**6,954**	**7,445**	**7,346**	**8,038**	**8,381**
Vốn điều lệ	3,000	3,050	3,660	3,660	3,660
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)